**Câu 1.** Giải pháp quan trọng để phát triển nền nông nghiệp hàng hóa có hiệu quả cao và hạn chế nạn du canh, du cư trong vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản.

**B.** chăn nuôi gia súc, cải tạo và nâng cao năng suất các đồng cỏ.

**C.** phát triển du lịch, khai thác khoáng sản, thủy sản và bảo vệ môi trường.

**D.** thay đổi cơ cấu cây trồng, phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng.

**Câu 2.** Trung du miền núi Bắc Bộ có thế mạnh nào nổi bật nhất để phát triển kinh tế biển?

**A.** Bờ biển dài, nhiều tỉnh giáp biển.

**B.** Vùng biển giàu tiềm năng du lịch và hải sản.

**C.** Có nhiều vũng vịnh, đầm phá, cảng nước

**D.** Vùng biển giàu tiềm năng khoáng sản.

**Câu 3.** Ngành kinh tế biển nào sau đây đóng góp đáng kể vào cơ cấu kinh tế của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Du lịch biển đảo.

**B.** Khai thác khoáng sản biển.

**C.** Đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản.

**D.** Giao thông vận tải biển.

**Câu 4.** Con sông nào sau đây có nhiều nhà máy thủy điện lớn nhất vùng Trung du miền núi Bắc Bộ?

**A**. Sông Đà. **B.** Sông Gâm. **C.** Sông Hồng. **D.** Sông Chảy.

**Câu 5.** Xu hướng chung của sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở đồng bằng sông Hồng là

**A**. tăng tỉ trọng khu vực I, giảm tỉ trọng khu vực II, III.

**B**. giảm tỉ trọng khu vực I, II, tăng tỉ trọng khu vực III.

**C**. tăng tỉ trọng khu vực I, II, giảm tỉ trọng khu vực III.

**D**. giảm tỉ trọng khu vực I, tăng tỉ trọng khu vực II, III.

**Câu 6.** Đâu **không** phải là nguyên nhân khiến chăn nuôi lợn phát triển mạnh ở đồng bằng sông Hồng?

**A.** Nguồn phụ phẩm thức ăn cho chăn nuôi lợn lớn (ngô, sắn, lúa…).

**B.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi để hình thành các trang trại chăn nuôi với quy mô lớn.

**C.** Thị trường tiêu thụ rộng lớn nhờ có dân cư đông đúc, đặc biệt là thị trường Hà Nội.

**D.** Sự phong phú của hoa màu, lương thực và phụ phẩm của chế biến thủy sản.

**Câu 7.** Trọng tâm trong định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng đồng bằng sông Hồng là

**A.** giảm tỉ trọng trồng trọt, tăng tỉ trọng chăn nuôi.

**B.** phát triển và hiện đại hóa công nghiệp chế biến.

**C.** hình thành công nghiệp trọng điểm, khu công nghiệp.

**D.** đẩy mạnh các ngành tài chính, ngân hàng, giáo dục.

**Câu 8.** Thế mạnh nổi bật nhất để phát triển ngành dệt may và da giày ở đồng bằng sông Hồng là

**A**. nguyên liệu cho ngành dệt may và da giày phong phú, đa dạng.

**B**. trình độ người lao động cao, máy móc kỹ thuật hiện đại.

**C**. thị trường tiêu thụ rộng, cơ sở vật chất phát triển.

**D**. nguồn lao động dồi dào, giá rẻ, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

**Câu 9.** Nguyên nhân chính nào sau đây khiến Bắc Trung Bộ có khả năng phát triển kinh tế vườn rừng và chăn nuôi gia súc lớn?

**A.** Diện tích núi chiếm phần lớn.  **B.** Diện tích vùng gò đồi tương đối lớn.

**C.** Đất đai, khí hậu thuận lợi. **D.** Người dân có kinh nghiệm trồng trọt, chăn nuôi.

**Câu 10.** Độ che phủ rừng ở Bắc Trung Bộ chỉ đứng sau

**A.** Trung du miền núi Bắc Bộ. **B.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**C.** Đông Nam Bộ. **D.** Tây Nguyên.

**Câu 11.** Giao thông vận tải có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Bắc Trung Bộ do

**A.** có nhiều tuyến đường nối các cảng biển của Việt Nam tới Lào.

**B.** là địa bàn trung chuyển hàng hóa Bắc – Nam và Tây – Đông.

**C.** vị trí giáp biển, thuận lợi thu hút đầu tư để phát triển kinh tế.

**D.** nằm trên con đường xuyên Á kết thúc ở các cảng biển của Việt Nam.

**Câu 12.** Chuyên môn hóa sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ chủ yếu dựa vào điều kiện thuận lợi nào sau đây?

**A**. Đất cát pha màu mỡ ở vùng đồng bằng.

**B**. Đất bazan màu mỡ ở vùng đồi trước núi.

**C**. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa mưa nhiều.

**D**. Nguồn nước tưới từ các sông và hồ thủy lợi.

**Câu 13.** Tiềm năng to lớn nhất của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** phát triển đánh bắt và nuôi trồng hải sản. **B.** phát triển thủy điện.

**C.** có nhiều di sản văn hóa thế giới. **D.** tài nguyên rừng phong phú.

**Câu 14.** Giải pháp chủ yếu để thúc đẩy phát triển các khu công nghiệp tập trung ở duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** nâng cao trình độ của người lao động.

**B.** thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**C.** tăng cường liên doanh với nước ngoài.

**D.** chú trọng xuất khẩu và mở rộng thị trường tiêu thụ.

**Câu 15.** Ý nghĩa chủ yếu của việc xây dựng các cảng nước sâu ở duyên hải Nam Trung Bộ là

**A.** tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

**B.** thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

**C.** tăng vận chuyển, tiền đề tạo khu công nghiệp.

**D.** chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế nhanh hơn.

**Câu 16.** Việc hình thành một số khu công nghiệp và khu chế xuất ở duyên hải Nam Trung Bộ nhờ vào

**A.** tài nguyên nhiên liệu, năng lượng dồi dào.

**B.** thu hút đầu tư nước ngoài.

**C.** mở rộng thị trường xuất khẩu.

**D.** phát triển khoa học, công nghệ.

**Câu 17.** Điều nào sau đây **không** chính xác khi nói kinh tế biển ở duyên hải Nam Trung Bộ?

**A**. Nghề muối nổi tiếng với sản phẩm ở Cà Ná và Sa Huỳnh.

**B**. Các tỉnh đều tiếp giáp với biển, nhiều vũng vịnh.

**C**. Thềm lục địa có tiềm năng lớn về dầu khí.

**D**. Ngành nuôi trồng phát triển mạnh hơn đánh bắt.

**Câu 18.** Điều kiện nào sau đây **không** thuận lợi cho trồng cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên?

**A.** Đất bazan. **B.** Khí hậu cận xích đạo.

**C.** Mặt bằng đất rộng lớn. **D.** Mùa khô kéo dài.

**Câu 19.** Mặc dù nền nhiệt độ thiên về khí hậu cận xích đạo nhưng Tây Nguyên có thể trồng được các cây có nguồn gốc cận nhiệt đới, bởi vì

**A.** đất bazan giàu chất dinh dưỡng, rộng lớn.

**B.** người dân có kinh nghiệm trong sản xuất.

**C.** có nhiều sông ngòi, công tác thủy lợi tốt.

**D.** có các cao nguyên trên 1000m khá mát mẻ.

**Câu 20.** Thế mạnh nổi bật của Tây Nguyên so với các vùng khác là

**A.** công nghiệp. **B.** lâm nghiệp. **C.** dịch vụ. **D.** thủy sản.

**Câu 21.** Việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài có vai trò như thế nào đối với sự phát triển công nghiệp theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ?

**A.** Mở rộng sản xuất, giải quyết việc làm và thúc đẩy các ngành sản xuất khác phát triển.

**B.** Nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng diện tích đất trồng, đa dạng hóa các sản phẩm.

**C.** Mở rộng thị trường tiêu thụ, liên kết nhiều quốc gia, hoàn thiện cơ sở vật chất kĩ thuật.

**D.** Sử dụng hợp lí nguồn lao động, hội nhập quốc tế sâu rộng và bảo vệ môi trường.

**Câu 22.** Để khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong nông, lâm nghiệp ở Đông Nam Bộ, vấn đề nào sau đây có ý nghĩa hàng đầu?

**A.** Bảo vệ rừng. **B.** Thay đổi cơ cấu cây trồng.

**C.** Phát triển thủy lợi. **D.** Phát triển công nghiệp lọc hóa dầu.

**Câu 23.** Tại sao thủy lợi có ý nghĩa hàng đầu trong phát triển nông nghiệp ở Đông Nam Bộ?

**A.** Vùng có một mùa khô sâu sắc và kéo dài.

**B.** Để thau chua rửa mặn đất đai.

**C.** Để tăng hệ số sử dụng đất trồng hàng năm.

**D.** Để tránh mất nước ở các hồ chứa, giữ được mực nước ngầm.

**Câu 24.** Ở Đông Nam Bộ, tiềm năng thủy điện lớn nhất trên hệ thống sông nào?

**A**. Sông Bé. **B**. Sông Đồng Nai.

**C**. Sông Sài Gòn  **D**. Sông Cửu Long.

**Câu 25.** Tại sao nước ngọt là vấn đề hàng đầu vào mùa khô ở đồng bằng sông Cửu Long trong việc cải tạo tự nhiên?

**A.** Để phát triển thủy lợi. **B.** Để thau chua, rửa mặn đất đai.

**C.** Để ngăn chặn sự xâm nhập mặn. **D.** Để thuận lợi trong nuôi trồng thủy sản.

**Câu 26.** Giải pháp đối với đời sống người dân nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long là

**A**. đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản và phát triển công nghiệp chế biến.

**B**. chủ động sống chung với lũ và khai thác nguồn lợi do lũ đem lại.

**C**. chuyển đổi cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh trồng cây công nghiệp.

**D**. phân bố lại dân cư và sử dụng hiệu quả nguồn lao động.

**Câu 27.** Tại sao hiện nay vấn đề xâm nhập mặn đang ảnh hưởng sâu sắc đến vùng đồng bằng sông Cửu Long?

**A.** Lũ về hạn chế, triều cường, nhiều cửa sông.

**B.** Lũ về nhiều, triều cường nhiều, mùa khô sâu sắc.

**C.** Địa hình thấp, nước biển dâng, ba mặt giáp biển.

**D.** Địa hình thấp, lũ về hạn chế, mùa khô kéo dài.

**Câu 28:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN PHÁT RA PHÂN THEO THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA

 *(Đơn vị: triệu kwh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2015** | **2017** |
| Nhà nước | 67 678 | 123 291 | 133 081 | 165 548 |
| Ngoài Nhà nước | 1 721 | 5 941 | 7 333 | 12 622 |
| Đầu tư nước ngoài | 22 323 | 12 018 | 17 535 | 13 423 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi cơ cấu sản lượng điện phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Miền. **B.** Đường. **C.** Tròn. **D.** Cột.

**Câu 29:** Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA, NĂM 2015 VÀ 2016

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm** | **2015** | **2016** |
| Vải *(triệu m2)* | 1 525,6 | 1 700,7 |
| Giày, dép da *(triệu đôi)* | 253,0 | 257,6 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê, 2018)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng vải và giày, dép da của nước ta, năm 2015 và 2016, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp. **B.** Tròn. **C.** Cột. **D.** Miền.

**Câu 30:** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2010** | **2014** | **2016** | **2017** |
| Thịt hộp *(tấn)* | 4 677,0 | 4 086,0 | 4 314,0 | 4 146,0 |
| Nước mắm *(triệu lít)* | 257,1 | 334,4 | 372,2 | 380,2 |
| Thủy sản đóng hộp *(nghìn tấn)* | 76,9 | 103,5 | 102,3 | 109,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng một số sản phẩm công nghiệp của nước ta giai đoạn 2010 - 2017, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

**A.** Kết hợp. **B.** Miền. **C.** Cột. **D.** Đường.